

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT

Ngày 02-6-2020

V/v tranh chấp về chia tài sản sau
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự Sinh.

Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy H; cư trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy H là bà Lê Thị Xuân P, Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông Phan Nguyễn Thành N; cư trú tại: đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Bạch T; cư trú tại: đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần T; cư trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Hoàng Công T; cư trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Thúy H, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Lê Thị Thúy H, trình bày:

- Bà và Ông Phan Nguyễn Thành N đã ly hôn theo Bản án dân sự số: 18/2014/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2014, của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; khi ly hôn thì tài sản chung của bà và Ông N chưa giải quyết phân chia.

- Nay bà xác định tài sản chung của bà và Ông N trong thời kỳ hôn nhân có 01 ngôi nhà cấp 4 riêng lẻ, được xây trên thửa đất diện tích $81m^2$, tại địa chỉ đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là nhà, đất tại đường Đ). Bà yêu cầu được chia 70% giá trị tài sản nhà đất nói trên và xin được giao cho bà sở hữu ngôi nhà này; còn phần chia cho Ông N thì bà sẽ bồi trả bằng tiền.

- Về yêu cầu chia cho bà 70% giá trị tài sản nói trên bởi vì trước đây Ông N là người chồng không chung thủy, người cha không có trách nhiệm với con cái; ông chỉ biết sống cho bản thân, nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn trước đây hoàn toàn do lỗi của Ông N.

- Đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Bạch T về đề nghị bà và Ông Phan Nguyễn Thành N trả số tiền 200 triệu đồng thì bà không đồng ý do bà không có vay tiền của Bà T.

Bị đơn Ông Phan Nguyễn Thành N, trình bày:

- Năm 2012, khi mâu thuẫn vợ chồng giữa ông với Bà Lê Thị Thúy H đã quá trầm trọng thì ông ra khỏi ngôi nhà vợ chồng đang ở tại địa chỉ phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, để nhường ngôi nhà này cho mẹ con Bà H ở; còn ông thì dọn vào ở luôn trong đơn vị nơi công tác cho đến cuối năm 2014 thì ông xây dựng một căn nhà cấp 4 trên thửa đất của ông và Bà H tại đường Đ để có chỗ ở ổn định. Do đó, yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất tại đây của Bà H thì ông đồng ý, còn ngôi nhà là tài sản riêng do ông xây sau khi ly hôn với Bà H nên ông không đồng ý chia cho Bà H.

- Đối với giá trị thửa đất diện tích $81m^2$ tại địa chỉ đường Đ thì ông đề nghị chia cho ông 70% giá trị và xin được sở hữu nhà, đất vì ông đang ở tại đây, còn Bà H thì vẫn đang ở tại ngôi nhà trước đây cũng của vợ chồng.

- Đối với số tiền 200 triệu đồng trước đây vợ chồng ông vay của mẹ ông là Bà Nguyễn Thị Bạch T thì ông đề nghị giải quyết cho ông và Bà H mỗi người có trách nhiệm trả cho Bà T 100 triệu đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Bạch T, trình bày: Khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2008, bà có cho vợ chồng Ông Phan Nguyễn Thành N, Bà Lê Thị Thúy H mượn (vay) 200 triệu đồng, nhưng không yêu cầu viết giấy nhận nợ bởi vì Ông N là con đẻ của bà. Nay bà yêu cầu Ông N, Bà H trả lại số tiền 200 triệu đồng.

Người làm chứng Ông Trần T, trình bày: Vào khoảng tháng 9 năm 2009, ông có nhận xây dựng cho Ông Phan Nguyễn Thành N và Bà Lê Thị Thúy H 01 ngôi nhà tại đường Đ (*gần quán cà phê T – phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng*). Tại thời điểm xây dựng thì chưa có sổ nhà, nhưng hiện nay đó là ngôi nhà có đường Đ.

Người làm chứng Ông Hoàng Công T, trình bày: Ông nguyên là tổ trưởng tổ dân phố, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; vào tháng 9 năm 2009 để vận động nhân dân thực hiện công tác phòng chống thiên tai thì ông có đi ngang qua lô đất E17 nay là đường Đ thì thấy tại đây đang xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4. Đến tháng 3 năm 2010 khi đi thu tiền trong nhân dân thì ông thấy đây là quán nhậu có tên Như Ngọc, do đó ông đã đến nhà Bí thư chi bộ xin ý kiến có thu tiền như nhà dân không thì được biết đây là nhà của Ông N, Bà H và do là quán nhậu chứ không phải nhà ở nên đã không thu.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE, kết luận đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị nhà ở tại thửa đất số E2-17, địa chỉ đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là 2.938.721.715 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất ở 2.857.073.715 đồng và giá trị nhà ở là 81.648.000 đồng.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Sông Hàn, kết luận đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số E2-17, địa chỉ đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là 2.213.000.000 đồng. Giá trị tài sản được định giá đã được Ông N và Bà H thống nhất theo định giá quyền sử dụng đất là 2.213.000.000 đồng và giá trị nhà ở là 81.648.000 đồng.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019, của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ Điều 33 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 207 và Điều 213 của Bộ luật Dân sự; Điều 264, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn của Bà Lê Thị Thúy H đối với Ông Phan Nguyễn Thành N.

1. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung chưa chia sau khi ly hôn của Ông Phan Nguyễn Thành N và Bà Lê Thị Thúy H là 01 ngôi nhà cấp 4, nhà xây trên thửa đất ở tại đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-3-2005, đứng tên Ông N và Bà H từ ngày 14-8-2009.

2. Giao cho Ông Phan Nguyễn Thành N được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng nói trên.

Buộc Ông Phan Nguyễn Thành N có nghĩa vụ bồi trả cho Bà Lê Thị Thúy H phần giá trị chênh lệch tài sản chung số tiền 1.147.324.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án; án phí; chi phí thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 04-11-2019, Bà Lê Thị Thúy H nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia cho bà 70% giá trị nhà, đất tại đường Đ và giao nhà, đất cho bà sở hữu, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Bà Lê Thị Thúy H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Lê Thị Thúy H, đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị Bạch T, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với Bà T, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; người làm chứng Ông Trần T và Ông Hoàng Công T, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng họ đã có lời khai trực tiếp với Tòa án do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với họ, theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của Bà Lê Thị Thúy H về yêu cầu được chia 70% giá trị nhà và đất tại đường Đ, thì thấy:

Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng Ông Phan Nguyễn Thành N và Bà Lê Thị Thúy H tạo lập được thửa đất ở có diện tích 81m², tại địa chỉ lô E2-17, khu dân cư Chợ và phố Chợ mới Hòa Khánh, nay có số đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-3-2005, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng chỉnh lý sang tên cho Ông N và Bà H vào ngày 14-8-2009. Đến năm 2009 thì Bà H và Ông N xây dựng trên đất ngôi nhà cấp 4. Do đó, xác định được nhà và đất tại đường Đ là tài sản chung của Ông N và Bà H, theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 234 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bà Lê Thị Thúy H yêu cầu chia cho bà 70% giá trị nhà, đất tại đường Đ với lý do nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn giữa bà với Ông N vào năm 2014 là do Ông N ngoại tình, sống không chung thủy với bà; tuy nhiên, theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2014/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2014, của Tòa án nhân dân quận Liên

Chiều, thành phố Đà Nẵng (*đã có hiệu lực pháp luật*), kết luận thì nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn của Bà H và Ông N là do bất đồng quan điểm sống chứ không có nội dung như Bà H khai như trên, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chia đôi giá trị nhà, đất tại đường Đ cho Ông N và Bà H mỗi người được một nửa là phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên kháng cáo của Bà H về yêu cầu chia cho bà 70% giá trị nhà, đất tại đường Đ là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của Bà Lê Thị Thúy H về yêu cầu được giao hiện vật là nhà và đất tại đường Đ, thì thấy: Năm 2014, sau khi bà Bà Lê Thị Thúy H ly hôn với Ông Phan Nguyễn Thành N thì Bà H vẫn tiếp tục ở lại ngôi nhà tại tổ 14B (trước đây là tổ 60, khối Quang Thành 3B, phường Hòa Khánh cũ) nay là phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cho đến nay; còn Ông N thì đến ở tại ngôi nhà đường Đ. Xét Bà H đã có chỗ ở ổn định và Ông N cũng đã đến ở ổn định tại ngôi nhà đường Đ từ năm 2014 cho đến nay, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm giao ngôi nhà đường Đ cho Ông N là phù hợp với nhu cầu thực tế của Ông N cũng như Bà H, đảm bảo cuộc sống ổn định cho các bên đương sự liên quan và đúng với quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; mặt khác, đồng thời buộc Ông N thanh toán lại cho Bà H giá trị tài sản được chia cũng đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà H. Nên kháng cáo của Bà H về yêu cầu được giao hiện vật là nhà và đất tại đường Đ là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung là giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại đường Đ, cụ thể như sau: Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE, kết luận giá trị nhà ở tại đường Đ là 81.648.000 đồng. Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Sông Hàn, kết luận giá trị quyền sử dụng đất ở tại đường Đ là 2.213.000.000 đồng. Giá trị tính thành tiền nói trên đã được Ông Phan Nguyễn Thành N và Bà Lê Thị Thúy H thống nhất về giá, nên giá trị tài

sản chung chia cho Bà H là 1.147.324.000 đồng và giá trị tài sản chung chia cho Ông N là 1.147.324.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm Ông Phan Nguyễn Thành N và Bà Lê Thị Thúy H mỗi người phải chịu trên giá trị tài sản tính thành tiền được chia.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo Bà Lê Thị Thúy H phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp kháng cáo của Bà Lê Thị Thúy H; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 34/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019, của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Bà Lê Thị Thúy H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019, của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33 và khoản 2, khoản 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 234 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Thúy H đối với Ông Phan Nguyễn Thành N về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

2. Chia cho Bà Lê Thị Thúy H 50% giá trị nhà, đất tại địa chỉ đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng tính thành tiền là 1.147.324.000 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Ông Phan Nguyễn Thành N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Lê Thị Thúy H số tiền được chia nói trên là 1.147.324.000 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Chia hiện vật là nhà, đất tại địa chỉ đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cho Ông Phan Nguyễn Thành N tính thành tiền là 1.147.324.000 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

4. Giao cho Ông Phan Nguyễn Thành N quyền sở hữu sử dụng nhà, đất tại địa chỉ đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11 tháng 3 năm 2005; đứng tên Ông N và Bà H từ ngày 14-8-2009.

Ông Phan Nguyễn Thành N có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

Bà Lê Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 46.419.720 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000926 ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chi

cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Bà H còn phải nộp 36.419.720 đồng (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm mười chín ngàn, bảy trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Nguyễn Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 46.419.720 đồng (Bốn mươi sáu triệu, bốn trăm mười chín ngàn, bảy trăm hai mươi đồng).

Bà Lê Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004029 ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019, của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam